| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 28/8/2025
*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Khánh

Ông Mai Văn Du

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên - Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 103/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 06/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24B/2025/QĐHPT-DS ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng K, Sinh năm 1968 và bà Trương Quỳnh P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Đăng K1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L), sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số C Đ, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2025, bản tự khai đề ngày 10/6/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hồng K và bà Trương Quỳnh P thống nhất trình bày:***

Đầu năm 2019, thông qua mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Nguyễn Đức Đăng K1 và bà Nguyễn Thị H có đến nhà ông K bà P để mượn tiền. Do quen biết nên ông K bà P đã cho ông K1 bà H vay mượn tiền để làm ăn, hai bên ký giấy mượn tiền ghi ngày 03/02/2019, số tiền vay mượn là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông K1 bà H lấy lý do làm ăn khó khăn và hẹn nhiều lần không trả nợ cho ông K bà P, hẹn trả lãi hàng tháng cho đến khi có tiền trả nợ gốc.

Từ tháng 12/2022 đến nay ông K1 bà H không trả lãi cho ông K bà P mà cũng không trả tiền gốc. Ông K bà P đã liên hệ đôn đốc, hối thúc nhiều lần nhưng ông K1 bà H cố tình trốn tránh không trả nợ và cắt liên lạc với ông K bà P. Đến tháng 7/2024, ông K bà P tố cáo đến cơ quan Công an thành phố Đ thì ông K1 bà

H hứa hẹn trả nợ nhưng sau đó chỉ trả được 50.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy tiền gốc ông K1 bà H còn nợ ông K bà P là 450.000.000 đồng. Nay ông K bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K1 bà H trả một lần toàn bộ số tiền nợ còn lại là 450.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

***** *Bị đơn Nguyễn Đức Đăng K1 và Nguyễn Thị H:* mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù ông K1 bà H đã nhận toàn bộ văn bản tống đạt của Tòa án nhưng ông K1 bà H không tham gia tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng K và bà Trương Quỳnh P khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Đức Đăng K1 và bà Nguyễn Thị H để yêu cầu ông K1 bà H trả số tiền vay mượn còn nợ theo giấy mượn tiền. Đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 116, Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C (cũ), thành phố Đà Nẵng, nay là phường C, thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng theo quy định.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Đức Đăng K1 và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đức Đăng K1 và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 450.000.000 đồng:

Bà Nguyễn Thị H (còn có tên khác là Nguyễn Thị L) viết giấy mượn tiền ông Nguyễn Hồng K và bà Trương Quỳnh P và hai bên cùng thỏa thuận ghi nhận các nội dung: Nguyễn Thị L (H) mượn của chị S (tức là bà P) số tiền: 500.000.000 đồng; đến tháng 10/2024 đã trả 50.000.000 đồng; còn nợ lại là 450.000.000 đồng. Sau nhiều lần ông K bà P yêu cầu bà H ông K1 hoàn trả tiền nợ gốc, không yêu cầu trả tiền lãi nhưng bà H ông K1 vẫn không trả nợ cho bà P ông K. Hội đồng xét xử thấy rằng, giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị L (bà H) viết và ký tên, nội dung

xác nhận việc bà L (H) có vay mượn tiền của bà P (S) là đúng, số tiền vay mượn ban đầu là 500.000.000 đồng. Sau này bà H ông K1 trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại là 450.000.000 đồng. Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nhau nên bà P ông K đã cho bà H ông K1 vay mượn tiền làm ăn. Quá trình vay mượn bà H ông K1 có trả lãi cho bà P đến tháng 12/2022 thì không trả lãi nữa. Ông K bà P đã nhiều lần nhắn tin, điện thoại hối thúc bà H ông K1 trả tiền gốc nhưng ông K1 bà H không trả. Đến tháng 7/2024 ông K bà P tố cáo ông K1 bà H ra cơ quan Công an thì ông K1 bà H mới hứa hẹn trả tiền cho ông K bà P, đến tháng 10/2024 thì ông K1 bà H có trả nợ cho ông K bà P được 50.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông K1 bà H không trả nợ gốc cho ông K bà P nữa và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà P ông K. Do đó, bà P ông K khởi kiện và tại phiên tòa ông K bà P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức Đăng K1 và bà Nguyễn Thị H phải trả nợ cho ông K bà P số tiền gốc còn lại là 450.000.000 đồng một lần và không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Với chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là giấy mượn tiền mà bà Nguyễn Thị L (tức là Nguyễn Thị H) viết và ký tên xác nhận bà H (L) có vay mượn của bà S (bà P) số tiền 500.000.000 đồng, các tin nhắn điện thoại thể hiện việc trao đổi, đòi tiền nợ giữa bà P với bà L (H) thể hiện nội dung vay mượn tiền đúng như giấy mượn tiền là có căn cứ. Sau đó, ông K bà P có tố cáo ra Cơ quan Công an thì ông K1 bà H thừa nhận và hứa hẹn trả nợ, đã trả cho ông K bà P được 50.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đến bị đơn Nguyễn Đức Đăng K1 và Nguyễn Thị H thể hiện việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông K1 bà H trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng nhưng ông K1 bà H không có trình bày, không có ý kiến phản hồi nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều đó thể hiện ông K1 bà H từ bỏ quyền trình bày ý kiến và không có ý kiến phản bác nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền vay mượn đối với khoản tiền gốc còn nợ 450.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 450.000.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 4% x (450.000.000 đ – 400.000.000)= 22.000.000 đồng.

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Quỳnh P và ông Nguyễn Hồng K đối với ông Nguyễn Đức Đăng K1 và bà Nguyễn Thị H về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đức Đăng K1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Hồng K và bà Trương Quỳnh P một lần số tiền **450.000.000 đồng** *(bốn trăm năm mươi triệu đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trương Quỳnh P và ông Nguyễn Hồng K có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức Đăng K1 phải thanh toán, nếu bà H ông K1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đức Đăng K1 phải chịu số tiền án phí là: 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*)

Hoàn trả cho bà Trương Quỳnh P và ông Nguyễn Hồng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*) tại biên lai thu số 0009712 ngày 27/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bàng**

Nơi nhận**:**
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.